# BR 40/10C

Với máy chà sàn sấy khô BR 40/10, chúng tôi ra mắt thế hệ tiếp theo của BR 400, thiết bị kinh tế nhất của dòng sản phẩm này. Sản phẩm nhỏ gọn, mạnhmẽ này có bề rộng vận hành đạt 400 mm, thể tích bình chứa tới 10 l. Phiên bản Advance được trang bị bánh tải phụ, bộ điều chỉnh áp lực tiếp xúc chổi.

Made in Europe

ROLLER BRUSH HEAD

| Mã đặt hàng | 1.783-311.0 |
|---|---|

- Hiệu suất chà cao
- Với áp suất tiếp xúc có thể điều chỉnh

## Thông số kỹ thuật

| | | |
|---|---|---|
| | | 4039784541498 |
| **Loại truyền động** | | Nguồn vận hành |
| **Bề rộng vận hành của bàn chải** | **mm** | 400 |
| **Bề rộng vận hành thanh hút** | **mm** | 400 |
| **Bình nước sạch/bẩn** | **l** | 10 / 10 |
| **Hiệu suất diện tích lý thuyết** | **m²/h** | 400 |
| **Hiệu suất diện tích thực tế** | **m²/h** | 300 |
| **Tốc độ bàn chải** | **rpm** | 1100 |
| **Áp lực tiếp xúc của bàn chải** | **g/cm² / Kg** | 100 – 200 / 20 – 30 |
| **Mức tiêu thụ nước** | **l/min** | 1 |
| **Độ ồn** | **dB(A)** | Tối đa 75 |
| **Nguồn điện** | **V / Hz** | 220 – 240 / 50 |
| **Công suất** | **W** | Tối đa 2300 |
| **Màu sắc** | | Màu than |
| **Trọng lượng chưa gắn phụ kiện** | **Kg** | 35,5 |
| **Kích thước (D × R × C)** | **mm** | 520 × 470 × 1150 |

**Thiết bị cần được tư vấn chuyên sâu**

## Thiết bị

| | | |
|---|---|---|
| **Bàn chải dạng ru-lô** | **Unit** | 2 |
| **Hệ thống bình kép** | | ■ |
| **Nguồn vận hành** | | ■ |
| **Áp lực tiếp xúc biến thiên** | | ■ |
| **Bánh xe di chuyển** | | ■ |
| **Hai chổi cao su, thẳng** | **Unit** | 1 |

■ Có bao gồm khi giao hàng

BR 40/10C, 1.783-311.0, 2025-07-06

### Mạnh mẽ và nhanh nhẹn

- Hai chổi lăn dạng quay cao tốc với áp lực tiếp xúc cao.
- Hai mảnh miệng hút ngập nước - có thể tiến lẫn lùi.
- Sàn khô tức thời sau khi làm sạch.

### Khoảng trống gầm thấp

- Với tới được bên dưới đồ đạc mà không tốn sức.
- Tay đẩy có thể gập xuống theo cả hai hướng.
- Để xử lý các đối tượng cực thấp, bình chứa cũng có thể tháo rời.

### Dễ bảo dưỡng

- Miệng hút và chổi dễ dàng thay thế mà không cần dụng cụ.
- Thanh phân phối nước có thể tháo ra dễ dàng và vệ sinh khi cần thiết.
- Mọi thành phần điện đều truy cập được một cách nhanh chóng, dễ dàng.

BR 40/10C, 1.783-311.0, 2025-07-06

# PHỤ KIỆN CHO BR 40/10C
# 1.783-311.0

1–4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **THANH HÚT VÀ CHỔI CAO SU** | | | | |
| **Chổi cao su, hoàn chỉnh** | | | | |
| Chổi cao su, thẳng, 435 mm, thẳng | 1 | 4.777-097.0 | Thẳng thắn, tiêu chuẩn. | ■ |
| | 2 | 4.777-098.0 | Thẳng, chống dầu. | ☐ |
| **Chổi cao su cho thanh hút** | | | | |
| Bộ Lưỡi hút, chống dầu, 10x BR 40/10, Chống dầu, có rãnh, 435 mm | 3 | 4.035-288.0 | Bộ, bao gồm 10 lưỡi hút chống dầu, để sử dụng với máy chà sàn liên hợp BR 40/10 của chúng tôi. | ☐ |
| Bộ hút mỡ 10x BR 40/10, 435 mm | 4 | 4.035-253.0 | 10 lưỡi hút cao su dùng cho chổi cao su 4.777-097.0. | ☐ |
| **BÀN CHẢI LĂN CHO BR** | | | | |
| Bàn chải con lăn, trung bình, Đỏ, 400 mm | 5 | 4.762-003.0 | Bàn chải con lăn, cứng vừa phải, màu đỏ. Chiều dài: 400 mm. Đối với tất cả các nhiệm vụ làm sạch thông thường. Cũng thích hợp cho các tầng nhạy cảm. Lông làm từ polypropylene; Dày 0,4 mm, dài 20 mm. | ■ |
| Bàn chải con lăn, rất mềm, Trắng, 400 mm | 6 | 4.762-250.0 | Bàn chải con lăn, rất mềm, màu trắng. Chiều dài: 400 mm.Với cơ cấu bánh xe hình sao chống mài mòn. Để làm sạch sàn nhạy cảm và đánh bóng. Lông vũ: Polyamit, dày 0,3 mm, dài 20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, mềm, Trắng tự nhiên, 400 mm | 7 | 4.762-274.0 | Rất mềm, làm bằng lông ngựa, hoàn hảo để làm sạch bằng phun và đánh bóng. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, cao/thấp, Cam, 400 mm | 8 | 4.762-251.0 | Bàn chải con lăn, cao / thấp, cứng vừa phải, màu cam. Chiều dài: 400 mm.Với cơ cấu bánh xe hình sao chống mài mòn. Để làm sạch sàn có cấu trúc nặng và các đường nứt sâu. Lông tơ: Polyamit, dày 0,6 mm, dài 15-20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, Cứng, Xanh lá, 400 mm | 9 | 4.762-252.0 | Bàn chải con lăn, cứng, màu xanh lá cây. Chiều dài: 400 mm. Cơ cấu bánh xe hình sao chống mài mòn. Đối với sàn bị bẩn nhiều và làm sạch cơ bản. Lông: Polyamit với cacbua silic, dày 0,6 mm, dài 20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, rất cứng, Đen, 400 mm | 10 | 4.762-481.0 | Rất cứng, đối với chất bẩn cực kỳ dính và để làm sạch sâu, chỉ đối với các bề mặt không nhạy cảm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, mềm, Xanh da trời, 400 mm | 11 | 4.762-254.0 | Bàn chải thảm, mềm, màu xanh. Chiều dài: 400 mm.Với cơ cấu bánh xe hình sao chống mài mòn. Để làm sạch hàng dệt. Lông: Polypropylene, dày 0,25 mm, dài 20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, cứng trung bình, Xanh lá, 400 mm | 12 | 4.762-000.0 | màu xanh lá cây nhạt, cho vận tốc (chiều cao cọc lên đến 3 mm) | ☐ |
| **ĐỆM CON LĂN / TRỤC ĐỆM CON LĂN** | | | | |
| **Trục đệm con lăn** | | | | |
| Trục con lăn, 400 mm | 13 | 4.762-228.0 | Trục con lăn pad thích hợp để giữ miếng pad con lăn hoặc con lăn sợi nhỏ. | ☐ |
| **Đệm con lăn** | | | | |
| Con lăn tước, Nâu, 400 mm | 14 | 8.635-691.0 | Tương thích với BRS 40/1000 C; BR 40/10 C; BR 40/25 C. | ☐ |

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO BR 40/10C
# 1.783-311.0

15

16

17

18

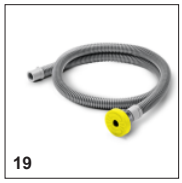
19

20

21

22

23

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **ĐỆM CON LĂN / TRỤC ĐỆM CON LĂN** | | | | |
| **Đệm con lăn** | | | | |
| Con lăn trên ống bọc, mềm, Vàng, 400 mm | 15 | 6.369-724.0 | Con lăn pad được lắp sẵn trên ống bọc, để đánh bóng và làm sạch sàn không có kết cấu. Kết hợp với trục con lăn pad 4.762-228.0. | ☐ |
| Con lăn trên ống bọc, trung bình, Đỏ, 400 mm | 16 | 6.369-726.0 | Để làm sạch sàn không kết cấu. Kết hợp với trục con lăn đệm 4.762-228.0. | ☐ |
| Con lăn trên ống bọc, Cứng, Xanh lá, 400 mm | 17 | 6.369-725.0 | Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch sâu các loại sàn không có kết cấu. Kết hợp với trục con lăn đệm 4.762-228.0. | ☐ |
| **Trục vi sợi** | | | | |
| Con lăn Microfibre, 400 mm | 18 | 4.114-004.0 | Con lăn Microfibre, chiều dài 400 mm. Kết hợp sức mạnh làm sạch tuyệt vời của Microfibre với những ưu điểm của công nghệ chổi lăn. Lý tưởng để làm sạch gạch đá mỹ nghệ. | ☐ |
| **PHỤ KIỆN KHÁC CHO BR/ BD** | | | | |
| **Khác** | | | | |
| Ống chiết rót | 19 | 6.680-124.0 | Ống chiết rót 1.500 mm để dễ dàng đổ đầy thiết bị từ vòi nước. Với khớp nối côn phổ quát cho tất cả các vòi tiêu chuẩn. | ☐ |
| Cáp kéo dài | 20 | 6.647-022.0 | Cáp kéo dài, 20 m, 3x1,5 mm². Với phích cắm chân tiếp đất chống văng nước, giảm căng thẳng và chống gấp khúc. | ☐ |
| **Bộ phụ kiện làm sạch thảm** | | | | |
| Bộ dụng cụ giặt thảm | 21 | 2.783-014.0 | Để giặt thảm chuyên sâu. 2 lưỡi hút cho thảm + 2 chổi lăn màu xanh + 1 l RM 764 + 0,5 l RM 769. | ☐ |
| **Dosing aids** | | | | |
| Trạm định lượng chất làm sạch DS 3 | 22 | 2.641-811.0 | Sau khi kết nối với vòi, chất làm sạch có thể được đổ đầy vào bể nước ngọt và pha loãng theo yêu cầu. Cũng có thể được sử dụng với bộ phụ kiện hệ thống chiết rót. Bao gồm bộ ngăn dòng chảy ngược (DIN EN 1717). | ☐ |
| **ĐƠN VỊ PHUN** | | | | |
| Bình bơm xịt | 23 | 6.394-409.0 | Bình xịt dạng bơm 1 lít – bao gồm bơm và bình tích áp – dễ dàng, phun đều để làm sạch hoặc kết tinh. | ☐ |

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng